TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 7 - 2024
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Mộng Linh
2. Ông Nguyễn Thanh Phong

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Cao Văn L, sinh năm 1972; địa chỉ: số 105/2 ấp K, xã A, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Phan Thị T (Phạm Thị T), sinh năm 1967; địa chỉ: 105/2 ấp A, xã Đ, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, Đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Cao Văn L trình bày:

Anh và chị T sống chung với nhau như vợ chồng trước đó, đến năm 2002 tiến hành đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh B và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/202, hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Anh và chị T chung sống với nhau được 02 người con chung Cao Thị Thùy T, sinh ngày 01/02/1994 và Cao Thị Nhựt T, sinh ngày 02/8/1999. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Nhưng khoảng gần 10 năm qua vì bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả nên anh và chị T đã sống ly thân. Xét thấy hôn nhân không đạt mục đích, tình cảm không thể hàn gắn nên anh L yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

-Về hôn nhân: Anh L yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị T (Phạm Thị T), không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: 02 con chung Cao Thị Thùy T, sinh ngày 01/02/1994 và Cao Thị Nhựt T, sinh ngày 02/8/1999 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chun: anh L trình bày sẽ tự thỏa thuận giải quyết với chị T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

- Về nợ chung: anh L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Do điều kiện hiện nay anh bận việc gia đình nên anh xin được vắng mặt trong tất cả các lần tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án. Anh cam kết không khiếu nại gì về sau.

Bị đơn chị Phan Thị T (Phạm Thị T) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm*:*

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét lời trình bày của anh L cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng trong thời gian chung sống anh và chị T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được; riêng chị T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa anh L và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Cao Văn L, anh yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị T (Phạm Thị T) nên đây là tranh chấp "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Phan Thị T (Phạm Thị T) cư trú tại 105/2 ấp A, xã Đ, huyện T, tỉnh B do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về tố tụng: Anh L có yêu cầu xét xử vắng mặt; chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng anh L và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 31/12/2002. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của anh L cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T đã trải qua khoảng thời gian mất hạnh phúc từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, hiện không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, đã ly thân khoảng 10 năm nay.

Đối với chị Phan Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử cùng với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị T cho thấy nội dung mà anh L đã trình bày về tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị T là có căn cứ chấp nhận. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh L và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L là phù hợp.

[4] Về con chung: Cao Thị Thùy T, sinh ngày 01/02/1994 và Cao Thị Nhựt T, sinh ngày 02/8/1999 đã trưởng thành, anh L và chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: anh L trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết. Chị T không có lời trình bày về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh L và chị T được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[6] Về nợ chung: Anh L trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Chị T không có lời trình bày về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Cao Văn L. Anh Cao Văn L được ly hôn với chị Phan Thị T (Phạm Thị T).

Anh L và chị T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Cao Thị Thùy T, sinh ngày 01/02/1994 và Cao Thị Nhựt T, sinh ngày 02/8/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: anh L trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết; chị T không có lời trình bày về vấn đề này nên không xem xét giải quyết.

Anh L và chị T được quyền khởi kiện yêu cầu về việc giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Cao Văn L phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000123 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung